

Bản tin thị trường

21.03.2023

Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks

Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường
Cổ phiếu quan tâm
Danh mục đầu tư

Tin Doanh Nghiệp

PNJ, FPT

Data Talks

Cổ phiếu tăng trưởng
Lịch chia cổ tức



Thị trường bật lên từ hỗ trợ, kỳ vọng một sóng tăng ngắn

Với dư âm tăng điểm mạnh từ thị trường Mỹ đêm qua, lẽ ra thị trường hôm nay đã phải tích cực từ đầu phiên. Tuy nhiên hiện thực giao dịch buổi sáng lại khá thận trọng và cho đến trưa thị trường vẫn ở trạng thái giằng co, thậm chí còn giảm nhẹ. Thị trường chỉ khởi sắc hơn vào phiên chiều và tăng gần 10 điểm vào cuối phiên. Dòng tiền có gia tăng đẩy mạnh ở một số dòng cổ phiếu nhưng giao dịch chung của thị trường vẫn ở mức khá thấp, chưa đến 7000 tỷ ở sàn HOSE.

Cổ phiếu ngân hàng góp phần tăng điểm nhiều nhất với nhiều cổ phiếu tăng khá như VPB, LPB, STB, VCB. Nhóm chứng khoán cũng nổi bật ở CTS, VCI, FTS, VND và HCM. Nhiều cổ phiếu bất động sản cũng tăng điểm trở lại đặc biệt là VHM, DXG, DIG, DRH. Cổ phiếu đứng đầu là NKG tăng 4.2%, HSG và HPG cũng tăng trên 2%.

Cú đảo chiều hôm nay cũng cho thấy thị trường phần nào đã phản ứng khá tốt khi chạm vùng hỗ trợ quanh 1020 là đáy của nhịp sóng trước. Ngưỡng 1020 cũng là điểm của cạnh biên dưới của dải Bollinger band. Dải BB đang thu hẹp khá chặt trong biên độ từ 1020 – 1045 vì vậy các nhịp sóng của thị trường chỉ kéo dài khoảng 1,2 phiên sau đó lại điều chỉnh vì vậy các nhịp tăng mạnh của thị trường vẫn ưu tiên cho việc cơ cấu danh mục và bán chốt lãi các vị thế đạt mục tiêu ngắn hạn hơn là mua vào.



Phân tích kỹ thuật



Chỉ số Vnindex bật lên từ vùng hỗ trợ 1020 là đáy thấp hồi tháng 3 và đây cũng là biên dưới của dải bollinger band. Có thể kỳ vọng một nhịp sóng tăng ngắn với mục tiêu gần nhất quanh 1040-1050. Thị trường vẫn trong trạng thái chờ các thông tin hỗ trợ vì vậy thanh khoản chung sẽ khá thấp và các nhịp sóng sẽ khá ngắn. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ cổ phiếu và tận dụng các nhịp tăng để chốt lãi ngắn hạn và đưa danh mục về ngưỡng an toàn. Các vị thế mua mới nên chờ ở các nhịp điều chỉnh sâu. Nhóm cổ phiếu ưu tiên giao dịch: HPG, NKG, HSG, STB, VPB, SSI, CTS, VCI, HCM, LCG VCG,

Tin Doanh Nghiệp

PNJ lãi 556 tỷ đồng trong hai tháng, tăng 6,4% so với cùng kỳ



Tính riêng tháng 2, công ty ghi nhận doanh thu thuần là 2.848 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 255 tỷ đồng giảm lần lượt 20,7%, 0,7% so với cùng kỳ. Sự suy giảm chủ yếu do doanh thu vàng 24K giảm vì ngày Thần Tài năm nay rơi vào tháng 1.

Lũy kế hai tháng đầu năm, PNJ đạt 6.976 tỷ đồng doanh thu thuần giảm 1,3%, lợi nhuận sau thuế đạt 556 tỷ đồng tăng 6,4% so với mức lợi nhuận kỷ lục cùng kỳ 2022 vì thay đổi cơ cấu hàng hóa.

Về tăng trưởng doanh thu theo từng kênh trong hai tháng, doanh thu trang sức bán lẻ giảm 0,2% so với mức kỷ lục cùng kỳ. Doanh thu trang sức bán sỉ giảm 12,8% so với cùng kỳ vì thị trường chung suy giảm. Còn doanh thu vàng 24K tăng 0,1%.

Trong cơ cấu doanh thu 2 tháng, mảng bán lẻ đóng góp 56,8% còn mảng sỉ chiếm 8,9%, vàng 24K đóng góp 33%.

Biên lợi nhuận gộp trung bình hai tháng năm 2023 của PNJ đạt 19,4% so với mức 17,7% cùng kỳ do sự thay đổi cơ cấu hàng bán.

Tổng chi phí hoạt động 2 tháng năm 2023 tăng 11% so với cùng kỳ, tỷ lệ chi phí hoạt động trên lợi nhuận gộp tăng từ mức 45,5% năm 2022 lên mức 46,7% năm 2023 do nền giá cao hơn bởi ảnh hưởng của yếu tố lạm phát.

Tính đến cuối tháng 2, PNJ có tổng cộng 368 cửa hàng tại 55/63 tỉnh thành bao gồm: 347 cửa hàng PNJ Gold, 7 cửa hàng PNJ Silver, 3 cửa hàng CAO Fine Jewellery, 5 cửa hàng Style by PNJ, 3 cửa hàng PNJ Watch và 3 cửa hàng PNJ Art. Trong hai tháng đầu năm 2023, hệ thống PNJ đã mở mới 4 cửa hàng PNJ Gold.

FPT đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận năm thứ 5 liên tiếp, chia cổ tức tổng tỷ lệ 35%

CTCP FPT (Mã: FPT) vừa công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 dự kiến diễn ra chiều ngày 6/4 theo cả hình thức trực tuyến và trực tiếp tại Hà Nội.

Năm 2023, FPT đặt kế hoạch doanh thu 52.289 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 9.055 tỷ, tăng lần lượt 18,8% và 18,2% so với kết quả năm 2022.

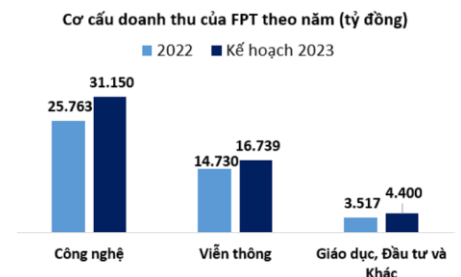
Trong cơ cấu doanh thu, FPT kỳ vọng khối công nghệ sẽ đem về doanh thu 31.150 tỷ đồng, tăng gần 21% so với cùng kỳ và chiếm 59,5% tổng doanh thu. Hai khối viễn thông và giáo dục, đầu tư khác mục tiêu tăng trưởng lần lượt 13,6% và 25,1%.

Về kế hoạch đầu tư, FPT dự kiến dùng 1.800 tỷ đồng để đầu tư cho khối công nghệ, bao gồm việc đầu tư các khu tổ hợp văn phòng tại các thành phố lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, TP HCM,... cũng như đầu tư vào hạ tầng công nghệ.

Với khối viễn thông, FPT sẽ dành ra 2.300 tỷ đồng để đầu tư các trục cáp chính, cáp biển, nâng cấp chất lượng hạ tầng viễn thông nội địa và hệ thống trung tâm dữ liệu.

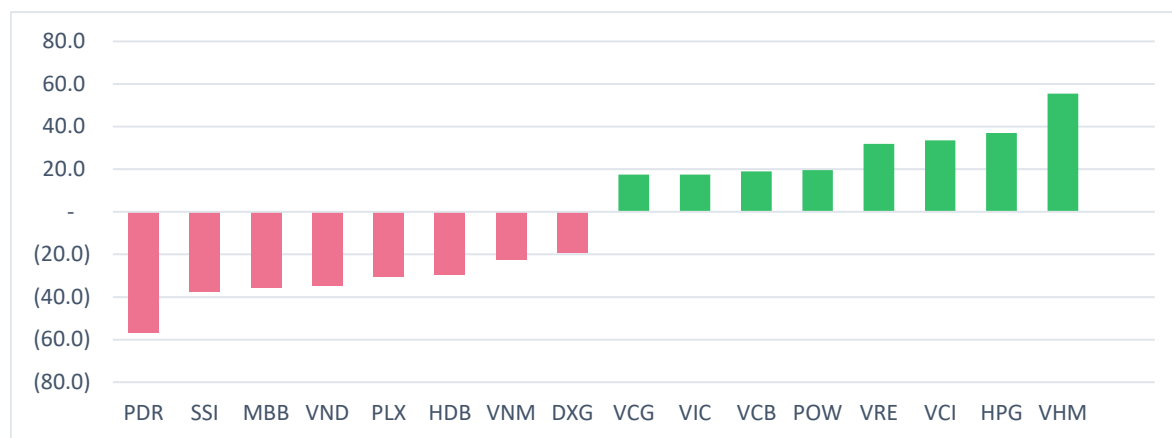
Với khối giáo dục, tập đoàn dự định đầu tư 1.700 tỷ để mở rộng các khuôn viên tại Hà Nội, TP HCM và Đà Nẵng, song song đó là mở rộng thêm 7 điểm trường phổ thông mới tại các tỉnh thành.

Về phương án chia cổ tức, Hội đồng quản trị (HĐQT) FPT trình cổ đông chia cổ tức tỷ lệ 20% tiền mặt (2.000 đồng/cp) và 15% bằng cổ phiếu (cổ đông cứ sở hữu 100 cổ phiếu được nhận về 15 cổ phiếu mới). Trong đó 10% bằng tiền đã được chi trả trong năm 2022. Cổ tức 1.000 đồng/cp còn lại sẽ được thanh toán trong quý II/2023, cùng thời gian với phát hành chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 15% sau khi ĐHĐCĐ phê duyệt.





Top mua bán ròng khối ngoại trong ngày (tỷ VND)



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	24.2	5,995,200	6.0	1.4	-	-	4,053	17,303
BID	HOSE	45.4	2,040,300	12.6	2.2	79,100	33,200	3,597	20,600
CTG	HOSE	28.3	5,961,800	8.0	1.3	165,800	306,700	3,518	22,536
EIB	HOSE	18.6	400,100	7.8	1.1	154,300	33,800	2,384	16,576
HDB	HOSE	17.4	1,779,000	5.7	1.1	2,218,140	3,905,900	3,063	15,411
LPB	HOSE	14.7	6,317,800	5.6	1.1	-	42,300	2,608	13,912
MBB	HOSE	17.4	9,550,900	4.5	1.0	20,000	2,062,300	3,856	17,559
MSB	HOSE	12.0	3,089,500	5.2	0.9	43,504,410	43,500,000	2,325	13,423
OCB	HOSE	15.4	2,454,900	6.0	0.8	-	19,500	2,562	18,448
SHB	HOSE	10.2	14,782,600	4.0	0.7	1,910,900	296,110	2,512	13,939
SSB	HOSE	32.2	1,439,300	16.2	2.5	-	24,800	1,986	12,857
STB	HOSE	24.6	13,785,600	9.2	1.2	750,470	564,400	2,674	20,489
TCB	HOSE	26.4	4,810,300	4.6	0.8	898,400	898,400	5,729	32,248
TPB	HOSE	21.6	2,456,300	5.5	1.1	-	900	3,958	20,382
VCB	HOSE	86.5	904,300	13.7	3.0	708,500	489,500	6,316	29,158
VIB	HOSE	20.8	1,822,400	5.2	1.3	-	-	4,018	15,492
VPB	HOSE	20.4	12,627,600	7.6	1.3	-	10,000	2,695	15,351
BAB	HNX	14.1	7,700	13.3	1.2	-	-	1,057	12,082
NVB	HNX	15.1	45,500		1.5	-	9,000	0	10,290
VBB	UPCOM	10.3	18,400	9.5	0.8	-	-	1,082	13,101
VAB	UPCOM	7.2	136,700	4.2	0.5	-	-	1,731	13,530
SGB	UPCOM	14.0	36,500		1.1	-	-	617	12,659
PGB	UPCOM	18.2	12,000	13.5	1.2	-	-	1,349	15,285
NAB	UPCOM	10.1	267,000			-	-		
KLB	UPCOM	10.9	5,500	7.3	0.8	-	-	1,491	14,191
BVB	UPCOM	11.7	619,400	11.8	0.9	-	-	992	13,628
ABB	UPCOM	7.9	2,119,300	5.5	0.6	-	-	1,442	13,873
			93,485,900	8.02	1.20	50,410,020	52,196,810	2,601	16,705



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	CCM	UPCoM	31/03/2023	03/04/2023	29/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	PRC	HNX	30/03/2023	31/03/2023	20/04/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 35,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	SMN	HNX	30/03/2023	31/03/2023	05/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	HAS	HOSE	29/03/2023	30/03/2023	10/04/2023	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 150 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	CAV	HOSE	28/03/2023	29/03/2023	14/04/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	HU3	HOSE	28/03/2023	29/03/2023	13/04/2023	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	VGR	UPCoM	27/03/2023	28/03/2023	07/04/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	NAV	HOSE	27/03/2023	28/03/2023	27/04/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	VTC	HNX	24/03/2023	27/03/2023	26/04/2023	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	CCI	HOSE	24/03/2023	27/03/2023	25/04/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,210 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	HEV	HNX	24/03/2023	27/03/2023	20/04/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	TMW	UPCoM	24/03/2023	27/03/2023	24/04/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	CMF	UPCoM	23/03/2023	24/03/2023	10/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	NT2	HOSE	23/03/2023	24/03/2023	31/03/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	MRF	UPCoM	23/03/2023	24/03/2023	07/04/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	LHC	HNX	23/03/2023	24/03/2023	19/04/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	C4G	UPCoM	23/03/2023	24/03/2023		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
18	LBM	HOSE	23/03/2023	24/03/2023	13/04/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	SDC	HNX	23/03/2023	24/03/2023	30/06/2023	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	GLT	HNX	22/03/2023	23/03/2023		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
21	GLT	HNX	22/03/2023	23/03/2023	31/03/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	VNL	HOSE	22/03/2023	23/03/2023	21/04/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	ADC	HNX	22/03/2023	23/03/2023	05/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	DBD	HOSE	22/03/2023	23/03/2023	10/04/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	NBE	UPCoM	21/03/2023	22/03/2023	08/08/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	DP3	HNX	21/03/2023	22/03/2023	06/07/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 8,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	TPH	HNX	21/03/2023	22/03/2023	11/05/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	SDN	HNX	21/03/2023	22/03/2023	31/03/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931